Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8501.80.10

Mã HS	8501.80.10
Mô tả hàng hóa	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện) / - Máy phát quang điện xoay chiều: / - - Công suất không quá 75 kVA
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:57:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85018010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14918
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14918
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14918
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AC!E14211
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14152
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14152
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14152
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14152
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14152
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14152
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	AJ!E14206
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	AJ!F14206
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	AJ!G14206

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	AJ!H14206
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	AJ!I14206
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	AJ!J14206
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	VJ!E14207
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	VJ!F14207
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	VJ!G14207
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	VJ!H14207
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	5	VJ!I14207
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	5	VJ!J14207
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		24	AK!F14210
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14158
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14166
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14166
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14166
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14166
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14166
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14166
VKFTA	2022	2022	20	VK!E14197
VKFTA	2023	2023	20	VK!F14197
VKFTA	2024	2024	20	VK!G14197
VKFTA	2025	2025	20	VK!H14197
VKFTA	2026	2026	20	VK!I14197
VKFTA	2027	2027	20	VK!J14197
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14252
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14252
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14252

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14252
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14252
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14252
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14229
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14229
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14229
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14229
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14229
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14229
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14229
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14229
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14229
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14229
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14229
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14229
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14244
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14244
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14244
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14244
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14244
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14244
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14243
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14243
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14243
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14243
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14243

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14243
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14236
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14236
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14236
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14236
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14236
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14236
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14236
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D14231
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E14231
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F14231
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G14231
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H14231
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I14231
RCEP B	2022	2022	20	B!D14231
RCEP B	2023	2023	20	B!E14231
RCEP B	2024	2024	20	B!F14231
RCEP B	2025	2025	20	B!G14231
RCEP B	2026	2026	20	B!H14231
RCEP B	2027	2027	20	B!I14231
RCEP C	2022	2022	20	C!D14231
RCEP C	2023	2023	20	C!E14231
RCEP C	2024	2024	20	C!F14231
RCEP C	2025	2025	20	C!G14231
RCEP C	2026	2026	20	C!H14231
RCEP C	2027	2027	20	C!I14231

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	20	D!D14230
RCEP D	2023	2023	20	D!E14230
RCEP D	2024	2024	20	D!F14230
RCEP D	2025	2025	20	D!G14230
RCEP D	2026	2026	20	D!H14230
RCEP D	2027	2027	20	D!I14230
RCEP E	2022	2022	20	E!D14234
RCEP E	2023	2023	20	E!E14234
RCEP E	2024	2024	20	E!F14234
RCEP E	2025	2025	20	E!G14234
RCEP E	2026	2026	20	E!H14234
RCEP E	2027	2027	20	E!I14234
RCEP F	2022	2022	20	F!D14231
RCEP F	2023	2023	20	F!E14231
RCEP F	2024	2024	20	F!F14231
RCEP F	2025	2025	20	F!G14231
RCEP F	2026	2026	20	F!H14231
RCEP F	2027	2027	20	F!I14231
VIFTA	2024	2024	16	VI!F13232
VIFTA	2025	2025	12	VI!G13232
VIFTA	2026	2026	8	VI!H13232
VIFTA	2027	2027	4	VI!I13232

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%, VKFTA 20%, AKFTA 24%, AJCEP 30%, ACFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8501.80 có 4 dòng thuế; dòng 8501.80.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Công suất không quá 75 kVA.	8501.80.20 Công suất trên 75 kVA nhưng không quá 375 kVA; 8501.80.30 Công suất trên 375 kVA nhưng không quá 750 kVA; 8501.80.40 Công suất trên 750 kVA	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8501.80.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8501.80.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8501.80.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8501.80.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14918), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.